

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cần

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vì Thị N (Tên gọi khác: Vì Thị L), sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản S, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh S (Tên gọi khác: Hà Hồng S), sinh năm 1970; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản S, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” cùng các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Vì Thị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S về chung sống với nhau từ năm 2001, đến ngày 04/4/2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị và anh S là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 02 năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S nghiện ma túy, thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến những cãi vã xảy ra liên tục. Nhiều lần chị và anh S đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn được và không tìm được

tiếng nói chung. Đến khoảng tháng 5 năm 2019 chị và anh S sống ly thân, chị về nhà mẹ đẻ sinh sống, còn anh S vẫn ở ngôi nhà của hai vợ chồng. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh S không quan tâm, chia sẻ với nhau, do nhà mẹ đẻ cũng ở gần nhà của hai vợ chồng nên thi thoảng chị sang để thăm nom con. Hiện tại, chị nhận thấy bản thân chị không còn tình cảm, không còn yêu thương anh S, việc chung sống với anh S không còn hạnh phúc. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh S xác nhận chị N trình bày về thời điểm chung sống cũng như việc đăng ký kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc và không có nguyên nhân mâu thuẫn gì, vợ chồng anh vẫn sinh sống cùng nhau tại bản S, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. Anh cũng thừa nhận anh hay ghen tuông và có chửi mắng chị N. Tuy nhiên việc chị N muốn ly hôn với anh, anh không đồng ý, anh hứa sẽ không ghen tuông vô cớ vì anh vẫn còn tình cảm với chị N, anh mong muốn vợ chồng tiếp tục cùng nhau chung sống để nuôi dạy con cho đến khi trưởng thành. Vì vậy, anh không nhất trí ly hôn với chị N.

2. Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là Hà Đức H, sinh ngày 20/01/2003. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S công nhận vợ chồng anh có một con chung như chị N trình bày. Trường hợp nếu phải ly hôn anh cũng có nguyện vọng là được trực tiếp nuôi con cho đến khi con trưởng thành. Anh cũng không yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị N và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vì Thị N và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vì Thị N được ly hôn với anh S.

Về con chung: Giao con chung là Hà Đức H, sinh ngày 20/01/2003 cho chị Vì Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vì Thị N không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Vì Thị N và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Vì Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu theo biên lai số: AA/2010/0003489 ngày 25/02/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định, trình tự của pháp luật. Ngày 04/5/2020 Tòa án tiến hành phiên họp về tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, nhưng nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án do đó Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21 tháng 5 năm 2020 bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 05/6/2020 Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Thông báo mở lại phiên tòa và giấy triệu tập cho nguyên đơn, bị đơn nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vì Thị N và anh S về chung sống với nhau từ năm 2001 đến ngày 04/4/2003 thì chị N và anh S đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh S hạnh phúc được khoảng 09 năm, đến tháng 02 năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh S nghiện ma túy, thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến những cãi vã xảy ra liên tục. Chị N phải sống ly thân với anh S từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Hiện chị không còn tình cảm, không còn yêu thương anh S nên chị xin được ly hôn với anh S. Anh S cũng thừa nhận trong quá trình chung sống với chị N

anh hay ghen tuông và có chửi mắng chị N, anh vẫn còn tình cảm với chị N, anh S mong muốn vợ chồng tiếp tục cùng nhau chung sống để nuôi dạy con cho đến khi trưởng thành. Do vậy, anh không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị N và Anh S kéo dài từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay và từ tháng 5 năm 2019 anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải để cho anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Đặc biệt chị N không còn tình cảm yêu thương đối với anh S nữa nên Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị N và anh S đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung Hà Đức H, sinh ngày 20/01/2003. Hiện đang sinh sống cùng với anh S tại bản S, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu kể từ khi chị N và anh S sống ly thân cho tới nay. Chị N và anh S đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tuy nhiên, việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên và nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử nhận thấy con chung là cháu H tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm đã trên 17 tuổi, trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Hoàng và nguyện vọng của cháu H là sau khi bố mẹ ly hôn cháu H muốn được ở cùng với chị N. Hơn nữa, chị N cũng có thu nhập ổn định từ 04 triệu đồng/tháng. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã H nơi anh S đang cư trú thì bản thân anh S là người nghiện ma túy, đang bị theo dõi diện đối tượng nghiện ma túy tại địa phương. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của con chung Hà Đức H, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung Hà Đức H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vì Thị N không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Vì Thị N và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vì Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và các Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vì Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vì Thị N được ly hôn với anh S.
2. Về con chung: Giao con chung là Hà Đức H, sinh ngày 20/01/2003 cho chị Vì Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vì Thị N không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về chia tài sản chung: Chị Vì Thị N và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Chị Vì Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Vì Thị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2010/0003489 ngày 25/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- UBND xã Hố Mít, huyện Tân Uyên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh